

Bản án số: **148/2025/HS-PT**
Ngày: 23/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Ông Nguyễn Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2025/TLPT-HS, ngày 03 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo Trà Thanh P, Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức H, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H và bị hại Kiều Minh H1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2025/HS-ST, ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Đức T**, giới tính: nam, sinh năm 1958 tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn P, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Đức Q (Liệt sĩ) và bà Võ Thị T1 (chết); có vợ Võ Thị S, sinh năm 1956; chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/5/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

2. **Nguyễn Đức H**, giới tính: nam, sinh năm 1967 tại T, Quảng Nam; nơi cư trú: khu phố F, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: xây dựng; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Đức

S1 (chết) và bà Phạm Thị T2, sinh năm 1940; có vợ Lê Thị Thu T3, sinh năm 1974; có 01 con sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 12/5/2022 đến ngày 16/12/2022 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lĩnh”, hiện đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q từ ngày 09/5/2025, có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Kiều Minh H1, sinh năm 1982, trú tại: thôn A, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Bị cáo bị kháng cáo:* **Trà Thanh P**; giới tính: nam, sinh năm 1978 tại huyện H, thành phố Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn B, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: xây dựng; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trà Thanh T4, sinh năm 1950 (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; có vợ Lê Thị Hồng H2, sinh năm 1980; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 23/3/2020, bị Công an thị trấn H, huyện T xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 11/11/2021 đến ngày 08/6/2022 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lĩnh”, hiện đang bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q từ ngày 09/5/2025, có mặt.

- *Người bào chữa bị cáo Trà Thanh P:* Luật sư Trần Văn H3 - Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố Đ (Vắng mặt).

Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện T thụ lý giải quyết đơn của ông Kiều Minh H1 tố giác vợ chồng Trà Thanh P và Lê Thị Hồng H2 lừa đảo chiếm đoạt 800.000.000đồng thông qua việc “chạy án” cho vợ của ông là Nguyễn Thị T5 (*sinh năm 1986; trú thôn A, xã D, huyện D*).

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị T5 mở dịch vụ kinh doanh Karaoke và nhà nghỉ V tại thôn A, xã D, huyện D. Quá trình kinh doanh, ngày 05/3/2019, T5 bị Công an huyện D bắt quả tang về hành vi chứa mại dâm, sau đó T5 được Cơ quan CSĐT Công an và Viện kiểm sát huyện D cho gia đình bảo lĩnh để điều tra, truy tố, xét xử. Trong thời gian khoảng tháng 7 năm 2019, Nguyễn Đức H4 (*sinh năm 1986; trú phường C, H*) có đến quán V1 và gặp vợ chồng Kiều Minh H1 – Nguyễn Thị T5. Tại đây, vợ chồng H1, T5 nói chuyện với H4 về việc T5 bị Công an huyện D điều tra về

hành vi chứa mại dâm và hỏi H4 có quen biết ai để xin cho T5 được xử án treo. Nguyễn Đức H4 nói có ông chú tên T quen biết một người tên P có quan hệ rộng rãi có thể giúp được và nhận lời giúp cho vợ chồng H1, T5, đồng thời H4 cho số điện thoại của Nguyễn Đức T để Kiều Minh H1 và Nguyễn Thị T5 chủ động liên lạc. Sau khi nhận lời giúp vợ chồng H1, T5, H4 về nhà tại tổ A, thôn P, xã B, huyện T và nói lại cho Nguyễn Đức T biết (*thời gian này Nguyễn Đức T đang ở tạm tại nhà của H4 vì T đang làm nhà*) việc vợ chồng H1, T5 nhờ giúp việc “chạy án treo” cho T5. Sau khi có số điện thoại của Nguyễn Đức T, vợ chồng H1, T5 liên lạc trao đổi với T về việc “chạy án treo”, Thu nhận lời giúp. Sau đó T gọi điện cho Trà Thanh P nói có vợ chồng H1, T5 nhờ giúp “chạy án treo” và P nhận lời nên T điện thoại báo cho vợ chồng H1, T5 biết.

Sau khi T5 nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, vợ chồng H1, T5 đem quyết định này đến đưa cho T; Thu nhận và đưa lại cho P. Phong cầm quyết định này đến gặp Nguyễn Đức H nhờ H lo “chạy án treo” cho T5. Sau khi Nguyễn Đức H nhận lời lo “chạy án treo” cho T5, P liền điện thoại cho Nguyễn Đức T nói số tiền phải chạy lo án treo là 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*). T điện thoại nói vợ chồng H1, T5 đem 300.000.000 đồng vào cho T để T đi nhờ, lo “chạy án treo” cho T5. Vào một buổi sáng trong tháng 7 năm 2019, vợ chồng H1, T5 mang theo 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) đựng trong 01 túi ny lông màu đen vào gặp Nguyễn Đức T nhưng T không đồng ý nhận mà nói phải đủ 300.000.000 đồng vì họ đã thỏa thuận rồi nên H1 về nhà lấy thêm 50.000.000 đồng đưa cho T. Thu nhận và nhờ Nguyễn Đức H4 đếm giùm.

Sau khi nhận tiền của vợ chồng H1-T5, đến chiều cùng ngày, T đem 300.000.000 đồng đựng trong 01 túi ny lông màu đen đến nhà P (*tại khu phố C, thị trấn H, huyện T*) giao cho P và bảo P đếm lại nhưng P không đếm mà bảo T đưa cho Lê Thị Hồng H2 (*vợ P*) cất giữ giùm cho P. Sau đó P liên hệ và đem giao cho Nguyễn Đức H túi ny lông chứa 300.000.000 đồng để H đi lo “chạy án treo” cho T5. Khoảng 10 ngày sau, Nguyễn Đức T đến nhà vợ chồng H1, T5 nói đưa thêm 150.000.000 đồng để lo cho T5 được “trắng án” luôn. Vợ chồng H1, T5 nghe vậy tin tưởng nên đã đưa thêm cho T số tiền 100.000.000 đồng, nhưng sau khi nhận tiền thì T cất giữ, tiêu xài riêng và không đưa lại cho ai để lo “trắng án” cho T5 như T đã hứa.

Vào ngày 29/8/2019, Trà Thanh P điện thoại nói vợ chồng H1, T5 chuyển vào số tài khoản 0110448539 cho P số tiền 50.000.000 đồng để lo xăng xe, quà cáp cho các sếp để nhờ lo “chạy án” cho T5. Sau đó P đã dùng thẻ ATM rút 02 lần với số tiền 20.000.000 đồng và trực tiếp đến Chi nhánh Ngân hàng Đông Á quận C rút tiền mặt 30.000.000 đồng.

Ngày 28/10/2019, Nguyễn Thị T5 bị Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xử phạt 30 tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*”. Sau khi bị xử phạt tù, vợ chồng H1, T5 hỏi P tại sao không chạy án treo được thì P nói dối “*án đó là án treo chứ không phải án giam*”, đồng thời hướng dẫn T5 làm hồ sơ xác nhận bị bệnh thận hiểm nghèo để xin hoãn thi hành án để chữa bệnh.

Đến khoảng tháng 11 năm 2019, Nguyễn Đức H và Trà Thanh P trên đường từ Đà Nẵng về huyện T, khi đến gần cầu C (H) thì H1 có liên lạc và đem đến đưa cho P số

tiền 5.000.000 đồng và 02 con cá, P đưa cho H 01 con cá, số tiền 5.000.000 đồng P giữ tiêu xài riêng.

Ngày 22/11/2019, Nguyễn Thị T5 tiếp tục có hành vi chứa mại dâm và bị Công an tỉnh Q bắt quả tang. Ngày 22/01/2020, Nguyễn Thị T5 được gia đình bảo lãnh tại ngoại. Ngày 28/9/2020, Nguyễn Thị T5 bị Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xử phạt 30 tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*”; tổng hợp hình phạt của 02 bản án Tòa tuyên buộc T5 phải chấp hành 60 tháng tù.

Sau khi Nguyễn Thị T5 bị Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xử phạt 60 tháng tù về tội “*Chứa mại dâm*”, nghi ngờ bị P lừa đảo, Kiều Minh H1, Nguyễn Thị T5 và Nguyễn Thị N (*là chị ruột của T5*) nhiều lần đến nhà Trà Thanh P để đòi lại tiền nhưng P không trả tiền. Sau đó, H2 (vợ P) nói Nguyễn Thị N cung cấp số tài khoản của N để H2 chuyển tiền trả qua số tài khoản của N; từ ngày 10/7/2020 đến ngày 12/4/2021, H2 đã 05 lần chuyển trả lại cho vợ chồng H1, Thương số tiền 105.000.000đ (*một trăm lẻ năm triệu đồng*).

Với thủ đoạn gian dối trong việc hứa hẹn nhận giúp “*chạy án treo*” cho Nguyễn Thị T5, Trà Thanh P, Nguyễn Đức H và Nguyễn Đức T đã lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng Kiều Minh H1, Nguyễn Thị T5 số tiền 455.000.000đ (*bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng*). Trong đó, Nguyễn Đức Thu N1 400.000.000 đồng, đưa lại cho Trà Thanh P 300.000.000 đồng để đưa cho Nguyễn Đức H; Nguyễn Đức Thu N1 riêng số tiền 100.000.000 đồng, Trà Thanh P nhận riêng số tiền 55.000.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST, ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam;

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trà Thanh P 05 (năm) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án; được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 11/11/2021 đến ngày 08/6/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 04 (bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án; được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 12/5/2022 đến ngày 16/12/2022.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Trà Thanh P tiếp tục bồi thường cho anh Kiều Minh H1 số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

- Trả cho bị cáo Trà Thanh P số tiền 230.000.000đ (*hai trăm ba mươi triệu đồng*) mà bị cáo Nguyễn Đức H đã giao nộp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/01/2025, bị cáo Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Ngày 21/01/2025, bị cáo Nguyễn Đức H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường. Ngày 22/01/2025, bị hại Kiều Minh H1 kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với Trà Thanh P, Nguyễn Đức H và được nhận số tiền 230.000.000đ do Trà Thanh P nộp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung tài liệu thể hiện gia đình có công với nước; bị hại Kiều Minh H1 rút kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức H.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo Trà Thanh P 5 năm tù, Nguyễn Đức T 4 năm 6 tháng tù, Nguyễn Đức H 4 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, xét xử, bị cáo Nguyễn Đức H đã thành khẩn khai báo và khắc phục đầy đủ số tiền đã nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo Hiền từ 3 đến 5 tháng tù. Riêng hình phạt đối với bị cáo Trà Thanh P, Nguyễn Đức H là đã phù hợp với vai trò, tính chất mức độ của hành vi phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Đức H, không chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của bị hại Kiều Minh H1 đối với bị cáo Trà Thanh P, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Trà Thanh P, Nguyễn Đức H. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Kiều Thanh P1 về việc yêu cầu được nhận số tiền 230.000.000đ.

Các bị cáo không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H và bị hại Kiều Minh H1 có đơn kháng cáo về phần hình phạt, trách nhiệm dân sự. Xét đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trà Thanh P, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019, Trà Thanh P, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H không có thẩm quyền

trong công tác điều tra, truy tố, xét xử án hình sự và cũng không không có khả năng lo việc “chạy án treo” nhưng khi biết được Nguyễn Thị T5 (*sinh năm 1986; trú thôn A, xã D, huyện D*) đang bị Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên đưa ra xét xử về tội “Chứa mại dâm”, các bị cáo P, T, H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách đưa ra thông tin gian dối về việc bản thân có nhiều mối quan hệ quen biết nên sẽ lo cho Nguyễn Thị T5 được hưởng án treo làm cho anh Kiều Minh H1 (chồng của T5) tin tưởng và nhiều lần giao số tiền là 455.000.000đ (*bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng*) theo yêu cầu của các bị cáo để nhờ lo “chạy án treo” cho Nguyễn Thị T5, tuy nhiên sau khi nhận được tiền, Trà Thanh P, Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức H không giúp được gì như đã hứa hẹn, kết quả Nguyễn Thị T5 bị Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xử phạt 30 tháng tù.

Nguyễn Đức T đã 02 lần trực tiếp nhận tiền của Kiều Minh H1 với số tiền 400 triệu đồng (lần đầu nhận 300.000.000 đồng và giao lại cho Trà Thanh P để P đưa cho Nguyễn Đức H, lần 2 nhận: 100.000.000 đồng chiếm đoạt tiêu xài riêng. Trà Thanh P chiếm đoạt riêng của Kiều Minh H1 số tiền 55.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Trà Thanh P, Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* " theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 04 năm 06 tháng tù, Nguyễn Đức H 4 năm tù là có cơ sở, đúng pháp luật. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H là phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H.

[4] Xét kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt của bị hại Kiều Minh H1 đối với bị cáo Trà Thanh P thì thấy: Trong vụ án này, bị cáo Trà Thanh P là người giữ vai trò chính, khi nhận được lời đề nghị của bị cáo Nguyễn Đức T thì bị cáo Trà Thanh P đã nhận lời và liên hệ với bị cáo Nguyễn Đức H để chạy án cho chị Nguyễn Thị T5; ngoài số tiền nhận chung là 300.000.000đ, bị cáo P còn nhận riêng hai lần với số tiền 55.000.000đ nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo P cao hơn bị cáo T, bị cáo H là phù hợp. Tuy nhiên, hiện nay tình hình tội phạm chiếm đoạt tài sản thông qua các hình thức lừa đảo gia tăng, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại Kiều Minh H1, sửa án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo Trà Thanh P.

[5] Xét kháng cáo về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Đức H kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường số tiền 300.000.000đ là quá nhiều. Xét thấy, tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm không tuyên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của bị hại Kiều Minh H1 được nhận số tiền 230.000.000đ do bị cáo Trà Thanh P nộp, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đức H khai nhận đã giao nộp cho Công an số tiền 230.000.000đ và đã trả lại cho chị H2 vợ bị cáo P số tiền 70.000.000đ (để bồi thường cho anh H1). Xét thấy số tiền bị cáo H đã nộp cho Công an và trả lại cho chị H2 tổng cộng là 300.000.000đ, phù hợp với số tiền bị cáo nhận để lo chạy án. Bị cáo P đã nộp để bồi thường thay cho bị cáo H số tiền 230.000.000đ là thừa so với số tiền bị cáo H đã nhận nên trả lại cho bị cáo P số tiền 230.000.000đ. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc được nhận số tiền 230.000.000đ.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị hại về phần dân sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST, ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam về phần hình phạt đối với các bị cáo.

2. Chấp nhận kháng cáo của bị hại Kiều Minh H1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST, ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam về phần hình phạt đối với bị cáo Trà Thanh P.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Trà Thanh P 07** (bảy) năm tù về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 09/5/2025) được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 11/11/2021 đến ngày 08/6/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T 04** (bốn) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 09/5/2025).

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H 04** (bốn) năm tù về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 09/5/2025) được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 12/5/2022 đến ngày 16/12/2022.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bị hại Kiều Minh H1 về việc yêu cầu được nhận số tiền 230.000.000đ.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm. Bị hại Kiều Minh H1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/5/2025.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Quảng Nam;
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án huyện Thăng Bình;
- VKS huyện Thăng Bình;
- Công an huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- Phòng PV 06 CA Q.Nam;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tân